TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/KDTM-ST.
Ngày: 29/9/2023.
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Thanh.

2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-KDTM, ngày 16 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 536/2023/QĐXXST - KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 470/2023/QĐST-KDTM, ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ: Phường H.B.C. Thành phố T.Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật có bà H.K.H– chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền có ông V.T.L.

Địa chỉ: Đường HBT, phường VTS, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 25/10/2022)

(Ông L có mặt)

Bị đơn: Công ty NT.

Địa chỉ: Số A đường C, Phường C, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật có ông NTT– chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số AB, đường BC, Phường P, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022, nguyên đơn Công ty A (gọi tắt là Công ty A) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn ông V.T.L trình bày:

Vào ngày 15/8/2019, Công ty A và Công ty NT ký kết hợp đồng kinh tế số 1708/HP-NT/2019.

Vào tháng 01/2020, Công ty A đã hoàn tất các nghĩa vụ cung cấp hàng hóa và sửa chữa/ lắp đặt thiết bị bếp, song Công ty NT không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết.

Vào tháng 5/2022, hai bên đã cùng nhau đối chiếu công nợ. Theo biên bản đối chiếu công nợ số 01/CN/HP-NT thì tính đến hết ngày 06/5/2022, Công ty NT còn nợ Công ty A số tiền 154.746.500 đồng. Công ty NT đã cam kết thanh toán hết số tiền trên cho Công ty A đến ngày 31/12/2022.

Tuy nhiên, dù Công ty A đã nhiều lần liên hệ, trao đổi nhưng Công ty NT vẫn không thực hiện bất kỳ khoản thanh toán nào về công nợ nêu trên và không có kế hoạch thanh toán cụ thể cho Công ty A. Không đồng ý với việc vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, thái độ không hợp tác và không có thiện chí thanh toán tiền công nợ nêu trên.

Ngày 27/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của Công ty A điều chỉnh lại lãi thanh toán từ 1%/ tháng thành lãi suất mức 8%/năm đối với việc chậm thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 1708/HP-NT/2019 ngày 15/8/2019 giữa Công ty A vào Công ty NT.

Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty A cụ thể:

- Buộc Công ty NT thanh toán cho Công ty A toàn bộ số tiền công nợ mà Công ty NT còn nợ, cụ thể là 154.746.500 đồng.

- Buộc Công ty NT Thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền 154.746.500 đồng tính từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán với lãi suất 8%/năm trên tổng số tiền nợ. Tạm tính từ tháng 17/01/2020 cho đến ngày xét xử là 45.804.964 đồng.

Bị đơn Công ty NT theo kết quả trả lời xác minh của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Công ty NT chưa đăng ký giải thể. Theo kết quả xác minh của công an Phường C, quận Gò Vấp có nội dung: Công ty NT không còn hoạt động tại địa chỉ Số A đường C, Phường C, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty ngừng hoạt động từ tháng 6/2022 và chuyển đi đâu không rõ. Theo kết quả công an Phường 3, quận Gò Vấp xác minh có nội dung: ông NTT – đại diện theo pháp luật của Công ty NT có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số AB, đường BC, Phường P, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ từ năm 2013 cho đến nay. Do đó tòa án xác định địa chỉ Số AB, đường BC, Phường P, quận GV, Thành

phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú của ông T, ông T chuyển đi nhưng không cung cấp địa chỉ nơi chuyển đến thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ cư trú, do đó Tòa án niêm yết Giấy triệu tập ông T ở địa chỉ trên đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò vấp:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về *thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Công ty A khởi kiện Công ty NT về tranh chấp hợp kinh tế. Công ty NT có địa chỉ hoạt động tại quận GV. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận GV theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Ông T là đại diện theo pháp luật của Công ty NT đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện vào ngày 15/8/2019, Công ty A và Công ty NT đã ký kết hợp đồng kinh tế số 1708/HP-NT/2019 với nội dung cung cấp hàng hóa và sửa chữa/ lắp đặt thiết bị bếp. Vào ngày 06/5/2022, hai bên đã cùng nhau lập biển bản đối chiếu công nợ. Có nội dung Công ty NT còn nợ Công ty A số tiền 154.746.500 đồng, đến ngày 31/12/2022 Công ty NT phải thanh toán số tiền trên. Nay Công ty NT không thanh toán số tiền theo nội dung đã ghi nhận tại biên bản đối chiếu công nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, cụ thể từ ngày 17/01/2020 nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng tại hợp đồng kinh tế số 1708/HP-NT/2019, bị đơn không thanh toán số tiền nêu trên do đó ngày 17/01/2020 được xác định là mốc tính lãi đối với số tiền chậm trả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn chậm thanh toán tiền nợ là 44 tháng 12 ngày. Ghi nhận yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 8%/năm hoặc 0,67%/tháng hoặc 0,0223%/ngày của nguyên đơn, tổng tiền lãi chậm trả tại thời hạn nêu trên 45.804.964 đồng, yêu cầu này là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 301 của Luật Thương Mại sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6,7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty NT.

Buộc Công ty NT phải thanh toán cho Công ty A số tiền nợ 200.551.464 (Hai trăm triệu năm trăm năm mươi mốt ngàn bốn trăm sáu mươi bốn) đồng, (bao gồm: Tiền gốc 154.746.500 đồng; Tiền lãi chậm trả 45.804.964 đồng).

Công ty NT phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất 8%/năm mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế số 1798/HP-NT/2019 có hiệu lực từ ngày15/8/2018, kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Công ty NT phải chịu 10.027.573 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.261.381 (Năm triệu hai trăm sáu mươi mốt ngàn ba trăm tám mươi mốt) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2022/0012545 ngày 16/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (01)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp; (01)
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; (01)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến